TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/KDTM-PT
Ngày 25 - 12- 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Cường

Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thúy Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 18/2017/TLPT-KDTM ngày 12/10/ 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện E, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1019/2017/QĐ-PT ngày 15/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa 1138/2017/QĐ-PT ngày 08/12/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ: Số 2 A, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quang V- Trưởng Phòng Kế hoạch, Kinh doanh - Chi nhánh Ngân hàng N, huyện E, Đông Hải Phòng; địa chỉ: Số 9 đường C, thị trấn D, huyện E, thành phố Hải Phòng (văn bản ủy quyền ngày 20/4/2017); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Trung H; bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Khu dân cư G, thị trấn D, huyện E, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Văn N và bà Đoàn Thị H; địa chỉ: thôn H, xã I, huyện E, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của ông N, bà H: Ông Lê Đức B- Luật sư Văn phòng Luật sư K, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Đường L, quận N, thành phố Hải Phòng (văn bản ủy quyền ngày 10/5/2017), có mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn N, bà Đoàn Thị H, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng N trình bày:

Ngày 05/11/2014, Chi nhánh Ngân hàng N (viết tắt là Ngân hàng) huyện E, Hải Phòng đã hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201405192 cho vợ chồng ông Phạm Trung H, bà Nguyễn Thị T vay số tiền là 150.000.000đ (mục đích sử dụng vốn vay: Kè ao, đắp bờ vùng, thả cá). Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu tiên là ngày 11/11/2014. Trả nợ gốc 02 kỳ, trả nợ lãi theo gốc. Lãi suất vay là 12%/năm, áp dụng lãi suất biến đổi, điều chỉnh lãi suất tăng hoặc giảm khi cần thiết.

Để đảm bảo khoản vay, bên vay đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng 139m^2 đất tại thửa đất số 22 (3) tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã I, huyện E, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BN874353, do UBND huyện E cấp ngày 18/12/2013 đứng tên chủ sử dụng đất ông Nguyễn Văn N, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01-11/2014TC ngày 05/11/2014 giữa ông Nguyễn Văn N, bà Đoàn Thị H (Bên thế chấp), ông Phạm Trung H bà Nguyễn Thị T (Bên vay vốn) và Ngân hàng N chi nhánh Vĩnh Bảo, Hải Phòng (Bên nhận thế chấp). Giá trị định giá tài sản là 347.500.000đ.

Thực hiện hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân cho ông Phạm Trung H và bà Nguyễn Thị T số tiền vay là 150.000.000đ kể từ ngày 11/11/2014. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, ông H, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đến nay ông H và bà T không thanh toán trả Ngân hàng khoản tiền gốc và lãi như cam kết. Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H bà T phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền gốc là 150.000.000đ và khoản lãi tính đến ngày 25/8/2017 là 62.725.000đ, trong đó lãi suất trong hạn là: 50.950.000đ, lãi suất quá hạn là: 11.775.000đ, tổng là 212.725.000đ. Trong trường hợp ông H bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên phát mại tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông H, bà T trình bày:

Do ông H là bạn của ông Nguyễn Thành Công, trước đây là Phó phòng tín dụng của Ngân hàng N chi nhánh Vĩnh Bảo, Hải Phòng nên ông Công có nhờ ông vay giúp tiền của Ngân hàng. Vì chỗ bạn bè tin nhau nên vợ chồng ông đã đồng ý vay Ngân hàng cho ông Công. Mọi thủ tục làm hồ sơ vay vốn là do ông Nguyễn Thành Công làm, vợ chồng ông bà chỉ việc ký hồ sơ. Sau khi nhận số tiền đã vay tại Ngân hàng là 150.000.000đ, ông đã đưa luôn cho ông Công sử dụng. Vì tin tưởng ông Công là bạn bè nên việc đưa tiền cho ông Công, ông không có văn bản giấy tờ.

Đối với tài sản thế chấp là do ông Công có mối quan hệ với ông N và bà H nên ông N, bà H đồng ý dùng tài sản của mình để thế chấp. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải thanh toán số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/8/2017 là 212.725.000đ vợ chồng ông không đồng ý, vì ông không được sử dụng số tiền đã vay. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Tại tòa án cấp sơ thẩm, ông N, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông N, bà H nhưng ông bà không ký vào biên bản. Ông N, bà H trình bày: Ông Nguyễn Thành Công là cán bộ của Ngân hàng đã lừa vợ chồng ông bà để ông bà giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Công, sau đó ông Công đã lợi dụng vợ chồng ông, bà để vay tiền của Ngân hàng, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 02/2017/KDTM-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện E đã quyết định:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng của Ngân hàng N đối với ông Phạm Trung H và bà Nguyễn Thị T.

Xử buộc ông Phạm Trung H và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 25/8/2017 là 212.725.000đ (Hai trăm mười hai triệu, bẩy trăm hai mươi năm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là: 150.000.000đ, nợ lãi trong hạn là: 55.950.000đ, nợ lãi quá hạn là 11.775.000đ.

Kể từ ngày 26/8/2017, ông Phạm Trung H bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2107LAV201405192 ngày 05/11/2014 đã ký giữa Ngân hàng N, Chi nhánh huyện E, Hải Phòng và ông Phạm Trung H bà Nguyễn Thị T cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

2. Nếu ông Phạm Trung H và bà Nguyễn Thị T không trả cho Ngân hang Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam các khoản tiền nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên, thì phát mại toàn bộ các tài sản thế chấp sau đây để thu hồi nợ cho Ngân hàng N:

Quyền sử dụng đất ở 139m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 874353, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00062 do UBND huyện E cấp ngày 18/12/2013 đứng tên ông Nguyễn Văn N tại thôn H, xã I, huyện E, thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông N, bà H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Ngày 19/10/2017 ông N, bà H có đơn trình bày lý do kháng cáo với nội dung:

Yêu cầu xem xét lại toàn bộ hợp đồng tín dụng, báo cáo thẩm định xác định anh Hiếu vay tiền để kè ao, đắp bờ vùng, thả cá nhưng thực tế anh Hiếu không xây

dựng kè ao, đắp bờ thả cá mà chỉ ký giúp anh Nguyễn Thành Công, anh Công sử dụng tiền vào mục đích cá nhân.

Ngân hàng không có tài liệu chứng mình tiền đối ứng là 131 triệu đồng, không có tài liệu chứng minh số tiền 150 triệu đồng anh Hiếu được phép nhận tiền mặt tại Ngân hàng, vì theo quy định số tiền nêu trên phải chuyển khoản.

Ngân hàng tự lập phương án vay vốn và giải ngân cho vợ chồng anh Hiếu, chị Thúy không đúng mục đích, lập khống hồ sơ để báo cáo thẩm định, vi phạm quy chế cho vay và Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Xem xét việc Tòa án nhân dân huyện E tiếp nhận hồ sơ ủy quyền cho ông Lê Đức Bnhưng đã tước bỏ toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo quy định, vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện hợp pháp của ông N, bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Người đại diện hợp pháp của ông N, bà H trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm. Do Bản án sơ thẩm xét xử chưa đúng quy định của pháp luật: Đề nghị xem xét lại Hợp đồng tín dụng ký giữa ông H, bà T và Ngân hàng, mục đích vay là kè ao, đắp bờ vùng thả cá là không chính xác vì thực tế ông H, bà T không sử dụng khoản vay này. Ngân hàng đã tự lập khống hồ sơ cho vay vốn, Hợp đồng cho vay vi phạm quy chế 66/QĐ-HĐTV-KHDN ngày 22/01/2014 của Ngân hàng N. Ngân hàng không có tài liệu chứng minh tiền đối ứng là 131 triệu đồng, không có tài liệu chứng minh số tiền 150 triệu đồng anh Hiếu được phép nhận tiền mặt vì theo quy định số tiền trên phải chuyển khoản. Đề nghị xem xét việc Tòa án huyện E tiếp nhận hồ sơ ủy quyền cho ông Lê Đức Bảy, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã tước bỏ toàn bộ quyền và nghĩa vụ của đương sự thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm bảo vệ:

Ngân hàng bác toàn bộ nội dung kháng cáo của ông N, bà H. Về điều kiện cho vay vốn là đúng quy định của pháp luật, trên cơ sở đó Ngân hàng đã thẩm tra dự án và xác định đúng là vợ chồng ông H, bà T có nhu cầu vay vốn để kè ao đắp bờ vùng thả cá thu lợi nhuận, do đó Ngân hàng đã chấp nhận khoản vay trên. Về vốn đối ứng: Ngân hàng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với việc thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản vay: Ông N, bà H đã tự nguyện ký vào Hợp đồng thế chấp, chữ ký trong Hợp đồng là chữ ký của ông N, bà H. Do đó Ngân hàng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm, buộc ông H, bà T thanh toán khoản tiền vay cả gốc và lãi đến ngày 25/8/2017 cả gốc và lãi là 212.725.000đ. Trường hợp ông H, bà T không trả nợ thì đề nghị HĐXX phát mại tài sản thế chấp.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc vợ chồng ông H, bà T ký hợp đồng tín dụng để vay 150.000.000đ của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện E là trên cơ sở tự nguyện, với mục đích kè ao, đắp bờ vùng thả cá, thu lợi nhuận. Ông H là người trực tiếp nhận khoản tiền vay. Việc ông H sử dụng khoản vay không đúng mục đích hoàn toàn là do lỗi của ông H. Do đó Ngân hàng khởi kiện vợ chồng ông H, bà T có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cả gốc và lãi là 212.725.000đ là có căn cứ. Vợ chồng ông N, bà H đã tự nguyện dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất ở 139m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 874353, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00062 do UBND huyện E cấp ngày 18/12/2013 đứng tên ông Nguyễn Văn N tại thôn H, xã I, huyện E, thành phố Hải Phòng để bảo đảm bảo cho khoản vay trên là hoàn toàn tự nguyện. Ông N, bà H ký vào hợp đồng thế chấp và việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Do đó trường hợp ông H, bà T không thanh toán được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông N, bà H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Vợ chồng ông Phạm Trung H và bà Nguyễn Thị T có dự án vay vốn để sản xuất kinh doanh, mục đích vay tiền là để kè ao, đắp bờ vùng thả cá, thu lợi nhuận. Do đó đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

2.1. Về tố tụng:

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 05/4/2017, ông Nguyễn Văn N giao nộp cho Tòa án 01 Giấy ủy quyền của ông N, bà H ủy quyền cho ông Lê Đức Btham gia tố tụng, Giấy ủy quyền được Uỷ ban nhân dân xã I, huyện E xác nhận ngày 10/5/2017. Trong Giấy ủy quyền chỉ có chữ kí của bên ủy quyền là ông N và bà H, không có chữ ký của bên được ủy quyền là ông Bảy. Tuy nhiên Tòa án nhân dân huyện E đã xác định ông Bảy là người đại diện hợp pháp của ông N bà H và triệu tập hợp lệ ông N, bà H, ông Bảy đến Tòa án tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/7/2017, ngày 14/7/2017 nhưng các ông, bà đều

vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện E đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tống đạt hợp lệ (Giấy báo phát hoàn của dịch vụ bưu chính) cho ông N, bà H, ông Bảy. Tuy nhiên các ông bà đều vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân huyện E hoãn phiên tòa. Đến thời gian mở lại phiên tòa, ông N, bà H, ông Bẩy đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án nhân dân huyện E căn cứ vào quy định pháp luật xét xử vắng mặt các đương sự. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đảm bảo quyền lợi cho ông N, bà H về việc ủy quyền cho ông Bảy tham gia tố tụng tại Tòa án. Việc các đương sự không đến tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa là đã tự từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của ông N, bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N và bà H vắng mặt nhưng ông Bảy vẫn nhận là người đại diện hợp pháp của ông N bà H theo Văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân xã I xác nhận vào ngày 10/5/2017.

2.2. Xét Hợp đồng tín dụng được ký giữa hai bên:

Hợp đồng tín dụng số 2107-LAV-201405192 ngày 05/11/2014 được ký kết đúng thẩm quyền, nội dung và hình thức đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật, các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, phù hợp với đạo đức xã hội phù hợp với các quy định tại Điều 388, 389, 401, 401, 407 của Bộ luật Dân sự 2005. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông H, bà H vay khoản tiền 150.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các cam kết trong hợp đồng. Do đó việc Ngân hàng khởi kiện ông H, bà T phải thanh toán số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/8/2017 là 212.725.000đ là có căn cứ.

Về phương án vay vốn: Trước khi Ngân hàng giải ngân khoản vay, anh Hiếu đã có Giấy đề nghị vay vốn ngày 05/11/2014 và Dự án kè ao, đắp bờ vùng thả cá ngày 05/11/2014, trong đó liệt kê chi tiết các chi phí đầu tư để thực hiện dự án, trên cơ sở đó Ngân hàng đã có báo cáo thẩm định về dự án vay vốn và xét duyệt điều kiện vay vốn đối với anh Hiếu, chị Thúy. Anh Hiếu là người trực tiếp nhận khoản tiền vay trên thông qua Giấy lĩnh tiền vay ngày 11/11/2014. Mặt khác, tại Biên bản làm việc ngày 19/11/2015 về việc khoản vay đã quá hạn giữa Ngân hàng và vợ chồng anh Hiếu, chị Thúy, anh Hiếu chị Thúy trình bày gia đình anh sử dụng vốn vay đúng mục đích phục vụ cải tạo đầm và nuôi trồng thủy sản. Trong quá trình đầu tư nuôi gà vịt không may bị dịch bệnh chết, gia đình mất nguồn thu, sau đó gia đình chuyển sang nuôi rắn nhưng cũng không có hiệu quả. Vì lý do làm ăn thu lỗ nên anh Hiếu chưa có khả năng trả nợ ngân hàng. Anh Hiếu khai sau khi nhận khoản tiền trên, anh Hiếu đã đưa cho anh Công nhưng anh Hiếu không có tài liệu chứng cứ chứng minh về việc đã đưa tiền cho anh Công. Việc vợ chồng anh Hiếu sử dụng khoản tiền vay không đúng mục đích là lỗi của vợ chồng anh Hiếu.

Đối với ông Nguyễn Thành Công hiện nay đã nghỉ việc tại Ngân hàng N chi nhánh huyện E và vắng mặt tại địa phương. Nếu anh Hiếu, chị Thúy chứng minh được việc đưa khoản tiền vay cho anh Công thì anh chị có quyền khởi kiện anh Công bằng vụ án dân sự khác.

Về cách thức giải ngân khoản tiền vay: Tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 33/2014/TT-NN ngày 20/11/2014 của NH Nhà nước quy định một số trường hợp thành toán tiền mặt của tổ chức sử dụng vốn nhà nước quy định việc thanh toán tiền mặt đối với trường hợp: *"Bên thanh toán thực hiện việc thanh toán hoặc bên được thanh toán nhận thanh toán tại các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, khu vực nông thôn nơi chưa có tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán"*. Ngoài ra, theo quy định tại điểm c khoản 2 Thông tư 09/2012/TT-NHNN ngày 10/4/2012 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc sử dụng các phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay của tổ chức tín dụng thì đối với bên thụ hưởng là cá nhân không có tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thì sẽ thanh toán bằng tiền mặt. Trong trường hợp này, anh Hiếu thuộc khu vực nông thôn và bên thụ hưởng không có tài khoản, nên Ngân hàng được phép chuyển tiền mặt cho anh Hiếu là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N, bà H về việc anh Hiếu không được nhận khoản tiền vay bằng tiền mặt.

Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo khoản vay trên thì ông N, bà H đã thế chấp diện tích đất của ông N bà H thông qua Hợp đồng thế chấp tài sản số 01-11/2014TC ngày 05/11/2014 giữa ông Nguyễn Văn N, bà Đoàn Thị H (Bên thế chấp), ông Phạm Trung H bà Nguyễn Thị T (Bên vay vốn) và Ngân hàng N chi nhánh Vĩnh Bảo, Hải Phòng (Bên nhận thế chấp). Trong hợp đồng thế chấp thì ông N và bà H là người ký vào từng trang của Hợp đồng. Việc thế chấp tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Ông N, bà H khai do ông bà bị ông Công lừa vợ chồng ông bà để giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Công để ông Công vay tiền, song ông N, bà H không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Người đại diện theo ủy quyền cho ông N, bà H cho rằng chữ ký trong Hợp đồng thế chấp không phải là chữ ký của ông N, bà H nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh.

Hội đồng xét xử thấy tại Hợp đồng thế chấp có xác nhận của Ủy ban nhân xã Tân Liêm, huyện E và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật nên Hợp đồng thế chấp hợp pháp và phát sinh hiệu lực với các bên. Do đó, trường hợp ông H, bà T không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ.

Từ nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận những nội dung kháng cáo của ông N, bà H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Đương sự kháng cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 147; khoản 2 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Căn cứ Điều 299, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự .

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13, khoản 4 Điều 72 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch đảm bảo;

Căn cứ Điều 6, Điều 25, Điều 26; khoản 2 Điều 29, Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

[1] Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện E, thành phố Hải phòng.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N:

Buộc ông Phạm Trung H và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 25/8/2017 là 212.725.000đ (Hai trăm mười hai triệu, bảy trăm hai mươi năm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là: 150.000.000đ, nợ lãi trong hạn là: 55.950.000đ, nợ lãi quá hạn là 11.775.000đ.

Kể từ ngày 26/8/2017, ông Phạm Trung H bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2107LAV201405192 ngày 05/11/2014 đã ký giữa Ngân hàng N, Chi nhánh huyện E, Hải Phòng và ông Phạm Trung H bà Nguyễn Thị T cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Nếu ông Phạm Trung H và bà Nguyễn Thị T không trả cho Ngân hàng N các khoản tiền nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên, thì phát mại toàn bộ các tài sản thế chấp sau đây để thu hồi nợ cho Ngân hàng N:

Quyền sử dụng đất ở 139m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 874353, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00062 do UBND huyện E cấp ngày 18/12/2013 đứng tên ông Nguyễn Văn N tại thôn H, xã I, huyện E, thành phố Hải Phòng.

[2] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Phạm Trung H và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 10.636.250đ (mười triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Trả lại cho Ngân hàng N 5.050.000đ (Năm triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0005336 ngày 18/4/2017.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn N và bà Đoàn Thị H phải chịu 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Ông N, bà H đã nộp 2.000.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005489 ngày 15/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, thành phố Hải Phòng. Ông N, bà H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đươc quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN	CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Vũ Thị Thu Hà Vũ Văn Cường	**Đặng Hồ Điệp**

Nơi nhận:
-VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp